



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM DƯỢC

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**



Tháng 03 năm 2016

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 28

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nam Dược (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của Ban Tổng Giám đốc cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Lã Xuân Hạnh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Giang	Phó chủ tịch
Bà Dương Thị Lan	Thành viên
Ông Hoàng Minh Châu	Thành viên
Ông Lê Văn Sản	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Hoàng Minh Châu	Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Sản	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban kiểm soát gồm:

Ban Kiểm soát

Bà Vũ Thị Nga	Trưởng ban
Ông Phạm Thành Đạt	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hương	Ủy viên

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015, phản ánh một cách trung thực và hợp lý, tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế và thực hiện kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính được lập và trình bày tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Hoàng Minh Châu
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2016

Số: 22/2016/KT-AVHN-TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Nam Dược**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Nam Dược (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 29/03/2016, từ trang 06 đến trang 28, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nam Dược tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Trần Ngọc Anh

Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:

0487-2015-055-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2015

Đồng Văn Thất

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:

1458-2015-055-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B01 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		29.798.536.544	41.703.094.000
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.216.778.641	2.348.024.877
1. Tiền	111	5	1.216.778.641	2.348.024.877
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		14.875.318.772	18.232.636.729
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	14.260.257.301	17.892.075.917
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		543.156.145	271.994.200
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	71.905.326	68.566.612
IV. Hàng tồn kho	140		13.172.927.275	20.744.358.840
1. Hàng tồn kho	141	9	13.172.927.275	20.744.358.840
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		533.511.856	378.073.554
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10.1	187.383.498	61.639.530
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	158.611.918
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	14.2	346.128.358	157.822.106
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		34.064.187.444	34.936.409.548
II. Tài sản cố định	220		1.812.105.577	2.256.266.961
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	1.812.105.577	2.256.266.961
- Nguyên giá	222		5.397.590.106	5.965.323.515
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.585.484.529)	(3.709.056.554)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		218.860.000	218.860.000
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	218.860.000	218.860.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		31.255.000.000	31.255.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	6	31.000.000.000	31.000.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6	255.000.000	255.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		778.221.867	1.206.282.587
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10.2	778.221.867	1.206.282.587
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		63.862.723.988	76.639.503.548

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B01 - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		28.403.836.724	48.236.787.837
I. Nợ ngắn hạn	310		28.403.836.724	48.236.787.837
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	22.525.350.190	42.457.270.760
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		77.488.770	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14.1	270.092.542	1.163.905.326
4. Phải trả người lao động	314		3.701.250.921	3.159.049.877
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	274.632.112	127.494.358
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	1.255.702.053	1.120.636.130
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		299.320.136	208.431.386
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		35.458.887.264	28.402.715.711
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	35.458.887.264	28.402.715.711
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	17.a	56.800.000.000	56.800.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		56.800.000.000	56.800.000.000
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	17.b	(21.341.112.736)	(28.397.284.289)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(28.397.284.289)	(27.364.368.751)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		7.056.171.553	(1.032.915.538)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		63.862.723.988	76.639.503.548

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2016

Người lập biểu

Nguyễn Thị Cảnh

Kế toán trưởng

Trần Thị Anh Đức

Tổng Giám đốc



Hoàng Minh Châu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2015

Mẫu số B02 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	125.056.490.173	169.048.975.001
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	18	198.421.422	22.506.624
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	18	124.858.068.751	169.026.468.377
4. Giá vốn hàng bán	11	19	73.258.764.938	138.604.125.805
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		51.599.303.813	30.422.342.572
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	33.014.603.192	14.478.958.152
8. Chi phí bán hàng	25	21	48.302.180.543	17.547.557.771
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	15.610.074.055	13.611.878.520
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		20.701.652.407	13.741.864.433
11. Thu nhập khác	31	22	35.513.665	12.456
12. Chi phí khác	32	22	51.217.019	57.165.359
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(15.703.354)	(57.152.903)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		20.685.949.053	13.684.711.530
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	24	-	258.525.968
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		20.685.949.053	13.426.185.562
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	25	3.642	2.164

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2016

Người lập biểu

Nguyễn Thị Cảnh

Kế toán trưởng

Trần Thị Anh Đức

Tổng Giám đốc



Hoàng Minh Châu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2015

Mẫu số B03 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		20.685.949.053	13.684.711.530
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		564.361.384	567.548.761
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(33.014.603.192)	(14.474.836.202)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(11.764.292.755)	(222.575.911)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		3.327.623.623	(4.217.390.331)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		7.571.431.565	(16.806.876.367)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(20.457.106.115)	17.991.325.786
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		302.316.752	(286.671.021)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		188.306.252	(70.219.716)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.178.888.750)	(1.550.253.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(23.010.609.428)	(5.162.661.360)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(120.200.000)	(30.885.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		33.014.603.192	14.478.958.152
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		32.894.403.192	14.448.073.152
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(11.015.040.000)	(11.360.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(11.015.040.000)	(11.360.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(1.131.246.236)	(2.074.588.208)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		2.348.024.877	4.422.613.085
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	5	1.216.778.641	2.348.024.877

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2016

Người lập biểu



Nguyễn Thị Cảnh

Kế toán trưởng



Trần Thị Anh Đức

Tổng Giám đốc



Hoàng Minh Châu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****1.1 Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần Nam Dược (gọi tắt là “Công ty”) có trụ sở tại Lô A7/D21, khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103003831 ngày 04/03/2004, chuyển đổi sang số 0103039249 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp. Công ty có 09 lần thay đổi đăng ký kinh doanh.

Hiện nay, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0101452595 ngày 25/12/2013 với vốn điều lệ là: 56.800.000.000 VND (Năm mươi sáu tỷ tám trăm triệu đồng chẵn), chia thành 5.680.000 cổ phần phổ thông, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 VND, không có cổ phần ưu đãi.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh: kinh doanh thương mại.**1.3 Ngành nghề kinh doanh:*****Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính***

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Bán buôn thực phẩm (chi tiết: Bán buôn thực phẩm chức năng; thực phẩm bổ sung dinh dưỡng; kinh doanh thực phẩm);
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu (chi tiết: Sản xuất thực phẩm chức năng; thực phẩm bổ sung dinh dưỡng);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (chi tiết: Bán buôn thuốc, kinh doanh dược liệu, mỹ phẩm);
- Trồng cây gia vị, cây dược liệu;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (chi tiết: Tư vấn, đào tạo và dịch vụ chuyển giao công nghệ dược phẩm, mỹ phẩm);
- Bán buôn máy móc, thiết bị, phụ tùng máy khác (chi tiết: Kinh doanh trang thiết bị y tế);
- Đại lý, môi giới, đầu giá (chi tiết: Đại lý mua bán, ký gửi dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm, trang thiết bị y tế (trừ mỹ phẩm có hại cho sức khỏe con người));
- Đối với những ngành nghề có điều kiện doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: Không quá 12 tháng.**1.5 Cấu trúc doanh nghiệp:**

Đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Đơn vị trực thuộc		
1 Công ty Cổ phần Nam Dược - Chi nhánh Hà Nội (*)	Số 3, ngách 34/23, ngõ 34 đường Nguyễn Hồng, Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội	Kinh doanh dược phẩm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)***1.5 Cấu trúc doanh nghiệp (tiếp theo)****Công ty con**

1	Công ty TNHH Nam Dược	Lô M13 (C4-9), Khu Công nghiệp Hòa Xá, Thành phố Nam Định	Sản xuất, kinh doanh dược phẩm
2	Công ty TNHH MTV Nam Dược Phương Nam	C4B, Bửu Long, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh dược phẩm

(*) Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên năm 2011 Công ty Cổ phần Nam Dược ngày 08/05/2011 đã thông qua việc giải thể chi nhánh Hà Nội – Công ty Cổ phần Nam Dược. Đồng thời Sở kế hoạch và Đầu tư Hà Nội – phòng đăng ký kinh doanh số 02 đã cấp Giấy xác nhận số 4162/14 ngày 23/01/2014 về việc đã tiếp nhận thông báo tạm ngừng hoạt động của Chi nhánh. Thời gian tạm ngừng lần 02 từ ngày 24/01/2014 đến ngày 24/01/2015. Ngày 26/01/2015, Sở kế hoạch và Đầu tư Hà Nội – phòng đăng ký kinh doanh số 02 đã cấp Giấy biên nhận số 55/GBN-DKKD02 về việc đã tiếp nhận Thông báo hoạt động trở lại của Công ty Cổ phần Nam Dược – Chi nhánh Hà Nội, thời gian hoạt động trở lại từ ngày 24/01/2015.

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính: Các thông tin trên báo cáo tài chính có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này:

4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại thời điểm báo cáo cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)***4.3 Các khoản đầu tư tài chính*****Đầu tư vào công ty con:***

Phản ánh các khoản đầu tư mà Công ty nắm giữ 100% quyền biểu quyết và có quyền kiểm soát, chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư (công ty con) nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty con của Công ty bao gồm: Công ty TNHH Nam Dược và Công ty TNHH MTV Nam Dược Phương Nam, xem chi tiết tại thuyết minh số 1.5 và số 6.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên nhận đầu tư. Xem chi tiết tại thuyết minh số 6.

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;

- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia; các khoản đã chi hộ; các khoản tạm ứng; cầm cố, ký cược, ký quỹ...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định theo giá gốc, trường hợp giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì hàng tồn kho được xác định theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Ngoài ra, quy trình sản xuất, bảo quản, mua và bán các mặt hàng dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm và dược liệu phải tuân thủ các quy định liên quan của Nhà nước Việt Nam và phù hợp với tiêu chuẩn chuyên môn của các tổ chức thế giới đã được Công ty đăng ký.

4.6 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MÃ SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)***4.6 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (tiếp theo)**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, số khấu hao được tính bằng nguyên giá chia (:) cho thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian tính khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

	Năm 2015 (số năm)
Máy móc, thiết bị	05
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 04

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn được ghi nhận theo thực tế phát sinh, bao gồm: Chi phí quảng cáo; chi phí mua bảo hiểm xe ô tô; chi phí sửa chữa tài sản cố định; chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác phục vụ cho hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Chi phí trả trước ngắn hạn là chi phí quảng cáo, chi phí duy trì tên miền, chi phí thuê văn phòng,... Các chi phí này được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian dưới 12 tháng.

Chi phí trả trước dài hạn là chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng, chi phí đăng ký tên miền, phí xây dựng chiến lược kinh doanh và quản lý nhân sự... thời hạn sử dụng từ trên 12 tháng trở lên. Các chi phí này được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 24 tháng.

4.8 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm: tiền ký quỹ của Trình dược viên, cổ tức còn phải trả cho cổ đông, thù lao phải trả cho Ban kiểm soát và Hội đồng quản trị; và các khoản phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng xảy ra, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)***4.9 Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, bao gồm: Chi phí quảng cáo, chi phí kiểm toán báo cáo tài chính, chi phí phụ trách chuyên môn, và các khoản chi phí khác.

4.10 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm bao gồm vốn góp cổ đông trong và ngoài doanh nghiệp, được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông góp cổ phần, tính theo mệnh giá cổ phiếu đã phát hành.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư (cổ tức) dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được chủ sở hữu Công ty phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

4.11 Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng, cổ tức, lợi nhuận được chia... Cụ thể như sau:

- Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.
- Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Thu nhập khác phản ánh các khoản thu nhập phát sinh từ các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty, ngoài các khoản doanh thu nêu trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)***4.12 Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm: Chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại. Cụ thể như sau:

- Chiết khấu thương mại phản ánh khoản giảm giá niêm yết cho người mua với khối lượng lớn nhưng chưa được phản ánh trên hóa đơn khi bán sản phẩm hàng hóa, cung cấp dịch vụ.
- Hàng bán bị trả lại phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân: vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

4.13 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo thực tế phát sinh phù hợp với doanh thu, bao gồm trị giá vốn của hàng hóa bán trong kỳ; giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có).

4.14 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ của kỳ kế toán, bao gồm: chi phí về lương nhân viên bộ phận bán hàng (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên bán hàng; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động; khấu hao tài sản cố định dùng cho hoạt động bán hàng; chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng; chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty phát sinh trong kỳ kế toán, bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động; khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

4.15 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong năm và số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước. Thu nhập thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 22%.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định nghĩa vụ về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế suất thuế giá trị gia tăng đầu ra là 5% đối với sản phẩm thuốc và 10% đối với thực phẩm chức năng.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)***4.16 Công cụ tài chính***Ghi nhận ban đầu*Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty xác định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định phân loại các nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý. Trường hợp chưa có quy định về việc xác định lại giá trị hợp lý của các công cụ tài chính thì trình bày theo giá trị ghi sổ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán, nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

4.17 Bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác (cùng thuộc Tập đoàn, Tổng công ty).

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột). Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)***4.17 Bên liên quan (tiếp theo)**

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

Theo đó, các bên liên quan của Công ty là Công ty TNHH Nam Dược, Công ty TNHH MTV Nam Dược Phương Nam; Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nam Dược; các thành viên trong Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát Công ty.

Thông tin với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số 6, số 7, số 13, số 15, số 18 và số 27.

5. TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	116.443.069	2.279.811.889
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.100.335.572	68.212.988
Cộng	1.216.778.641	2.348.024.877

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Số cuối năm VND			Số đầu năm VND		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con	31.000.000.000	-	31.000.000.000	31.000.000.000	-	31.000.000.000
Đầu tư vào đơn vị khác (*)	255.000.000	-	255.000.000	255.000.000	-	255.000.000

(*) Khoản góp vốn thành lập Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nam Dược. Công ty này đã tạm ngừng hoạt động từ ngày 15/02/2006.

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư vào công ty con của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

Tên công ty con	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Vốn điều lệ (VND)	Giá gốc (VND)	Dự phòng (VND)	Giá trị hợp lý (VND)
Công ty TNHH Nam Dược	100	100	100	30.000.000.000	30.000.000.000	-	30.000.000.000
Công ty TNHH MTV Nam Dược Phương Nam	100	100	100	1.000.000.000	1.000.000.000	-	1.000.000.000
Cộng				31.000.000.000	31.000.000.000		31.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ngắn hạn	14.260.257.301	17.892.075.917
Các khoản phải thu của khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng	14.095.840.000	15.215.304.630
<i>Công ty TNHH MTV Nam Dược Phương Nam</i>	<i>14.095.840.000</i>	<i>15.215.304.630</i>
Các khoản phải thu của khách hàng khác	164.417.301	2.676.771.287
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	14.095.840.000	15.215.304.630
<i>Công ty TNHH MTV Nam Dược Phương Nam - Công ty con</i>	<i>14.095.840.000</i>	<i>15.215.304.630</i>

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND		Số đầu năm VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	71.905.326	-	68.566.612	-
Ký cược, ký quỹ	10.000.000	-	10.000.000	-
Phải thu khác	1.649.978	-	1.649.978	-
Tạm ứng	60.255.348	-	56.916.634	-

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm VND		Số đầu năm VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công cụ, dụng cụ	137.735.567	-	26.534.439	-
Hàng hóa	13.035.191.708	-	20.717.824.401	-
Cộng	13.172.927.275	-	20.744.358.840	-

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
10.1 Ngắn hạn	187.383.498	61.639.530
Chi phí quảng cáo, làm biển quảng cáo	83.445.008	-
Phí bảo hiểm xe ô tô	27.781.250	30.591.917
Phí duy trì tên miền	17.229.500	6.740.000
Phí dịch vụ đăng tuyển trên VietnamWork	12.461.400	-
Các khoản khác	46.466.340	24.307.613

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)***10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC (TIẾP THEO)**

10.2 Dài hạn	778.221.867	1.206.282.587
Công cụ dụng cụ xuất dùng	157.818.121	576.747.947
Phí xây dựng chiến lược kinh doanh và hệ thống quản lý nhân sự	410.353.540	590.909.091
Chi phí thiết kế website	125.999.994	-
Chi phí sửa chữa phụ tùng xe Mercedes	46.730.750	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	37.319.462	38.625.549

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Dụng cụ quản lý	Cộng
NGUYÊN GIÁ				
Số đầu năm	185.000.000	5.134.820.236	645.503.279	5.965.323.515
Tăng trong năm	120.200.000	-	-	120.200.000
Mua sắm	120.200.000	-	-	120.200.000
Giảm trong năm	-	687.933.409	-	687.933.409
Thanh lý, nhượng bán	-	687.933.409	-	687.933.409
Số cuối năm	305.200.000	4.446.886.827	645.503.279	5.397.590.106

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Số đầu năm	124.924.718	3.171.384.920	412.746.916	3.709.056.554
Tăng trong năm	57.033.330	380.417.172	126.910.882	564.361.384
Khấu hao trong năm	57.033.330	380.417.172	126.910.882	564.361.384
Giảm trong năm	-	687.933.409	-	687.933.409
Thanh lý, nhượng bán	-	687.933.409	-	687.933.409
Số cuối năm	181.958.048	2.863.868.683	539.657.798	3.585.484.529

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Số đầu năm	60.075.282	1.963.435.316	232.756.363	2.256.266.961
Số cuối năm	123.241.952	1.583.018.144	105.845.481	1.812.105.577

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết còn sử dụng tại ngày 31/12/2015 là 2.553.197.294 VND (tại ngày 31/12/2014 là 2.828.118.358 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)***12. TÀI SẢN DỄ DANG DÀI HẠN**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Năm nay VND	Năm sau VND
Tại ngày 01 tháng 01	218.860.000	218.860.000
Tại ngày 31 tháng 12 (**)	218.860.000	218.860.000

(*) Mua sắm phần mềm kế toán, phát sinh từ trước năm 2014 nhưng chưa hoàn thành nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng.

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ngắn hạn	22.525.350.190	42.457.270.760
Các khoản phải trả người bán chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải trả	21.007.184.603	42.136.701.375
Công ty TNHH Nam Dược	21.007.184.603	42.136.701.375
Phải trả cho các đối tượng khác	1.518.165.587	320.569.385
Phải trả người bán là các bên liên quan	21.007.184.603	42.136.701.375
Công ty TNHH Nam Dược - Công ty con	21.007.184.603	42.136.701.375

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
Thuế giá trị gia tăng	-	1.340.844.253	1.162.655.455	178.188.798
Thuế thu nhập doanh nghiệp (157.822.106)	(157.822.106)	-	188.306.252	(346.128.358)
Thuế thu nhập cá nhân	1.163.905.326	1.277.202.433	2.349.204.015	91.903.744
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	4.000.000	4.000.000	-
Cộng	1.006.083.220	2.622.046.686	3.704.165.722	(76.035.816)
Trong đó:				
14.1 Phải nộp	1.163.905.326			270.092.542
14.2 Phải thu	157.822.106			346.128.358

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)***15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ngắn hạn	274.632.112	127.494.358
Chi phí phải trả khác	274.632.112	127.494.358
Chi phí quảng cáo (*)	63.549.600	-
Chi phí phụ trách chuyên môn của Ông Hoàng Minh Châu	66.000.000	16.500.000
Chi phí thuê xe ô tô của Ông Hoàng Minh Châu	60.000.000	-
Chi phí kiểm toán báo cáo tài chính	50.000.000	50.000.000
Chi phí phải trả khác	35.082.512	60.994.358

(*) Chi phí phải trả cho Công ty Cổ phần truyền thông và công nghệ Mix Digital về phát triển quảng cáo trên facebook.

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ngắn hạn	1.255.702.053	1.120.636.130
Kinh phí công đoàn	174.173	174.173
Bảo hiểm xã hội	1.780.480	2.002.000
Bảo hiểm y tế	308.160	346.500
Bảo hiểm thất nghiệp	136.960	154.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.253.302.280	1.117.959.457
Tiền ký quỹ của các Trình được viên	641.500.000	627.500.000
Tiền cổ tức phải trả cho các cổ đông	564.280.000	439.600.000
Các khoản phải trả khác	47.522.280	50.859.457

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VND

BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Diễn giải	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	56.800.000.000	(27.364.368.751)	29.435.631.249
Lợi nhuận tăng	-	13.426.185.562	13.426.185.562
Phân phối lợi nhuận	-	(14.457.694.600)	(14.457.694.600)
Giảm khác	-	(1.406.500)	(1.406.500)
Số cuối năm trước	56.800.000.000	(28.397.284.289)	28.402.715.711
Số đầu năm nay	56.800.000.000	(28.397.284.289)	28.402.715.711
Lợi nhuận tăng	-	20.685.949.053	20.685.949.053
Phân phối lợi nhuận (*)	-	(13.629.777.500)	(13.629.777.500)
Số cuối năm nay	56.800.000.000	(21.341.112.736)	35.458.887.264

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)***17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)**

(*) Căn cứ Nghị quyết số 01/2015/NQĐHĐCĐ ngày 25/04/2015 của Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Nam Dược, Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận của năm 2014 như sau:

Phân phối lợi nhuận	Tỷ lệ %	Giá trị VND
- Chi trả cổ tức năm 2014 trên vốn điều lệ	20	11.360.000.000
- Chi thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2014		1.134.888.750
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.134.888.750
Tổng		13.629.777.500

GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ CHIA CỔ TỨC, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**a. Vốn góp của chủ sở hữu**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	56.800.000.000	56.800.000.000
Số cuối năm	56.800.000.000	56.800.000.000

b. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số đầu năm	(28.397.284.289)	(27.364.368.751)
Tăng trong năm	20.688.189.053	13.426.185.562
Lợi nhuận trong năm	20.688.189.053	13.426.185.562
Giảm trong năm	(13.629.777.500)	(14.459.101.100)
Phân phối lợi nhuận năm trước	(13.629.777.500)	(14.459.101.100)
<i>Chia cổ tức bằng tiền</i>	<i>(11.360.000.000)</i>	<i>(11.360.000.000)</i>
<i>Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	<i>(1.134.888.750)</i>	<i>(1.548.847.300)</i>
<i>Chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát</i>	<i>(1.134.888.750)</i>	<i>(1.548.847.300)</i>
<i>Giảm khác</i>	<i>-</i>	<i>(1.406.500)</i>
Số cuối năm	(21.341.112.736)	(28.397.284.289)

c. Cổ phiếu

	Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.680.000	5.680.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.680.000	5.680.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>5.680.000</i>	<i>5.680.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.680.000	5.680.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>5.680.000</i>	<i>5.680.000</i>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000
--	--------	--------

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)***18. DOANH THU**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	125.056.490.173	169.048.975.001
Doanh thu bán hàng hóa	125.056.490.173	169.048.975.001
Các khoản giảm trừ doanh thu	198.421.422	22.506.624
Chiết khấu thương mại	7.153.228	-
Hàng bán bị trả lại	191.268.194	22.506.624
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	124.858.068.751	169.026.468.377
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu đối với các bên liên quan		
Công ty TNHH MTV Nam Dược Phương Nam - Công ty con	56.649.568.495	83.040.457.394

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	73.258.764.938	138.604.125.805
Cộng	73.258.764.938	138.604.125.805

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	14.603.192	21.263.552
Cổ tức, lợi nhuận được chia (*)	33.000.000.000	14.457.694.600
Cộng	33.014.603.192	14.478.958.152

(*) Chuyển lợi nhuận chưa phân phối 2014 của Công ty TNHH Nam Dược 33.000.000.000 VND theo Quyết định số 72/2015/QĐND ngày 01/07/2015 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nam Dược.

21. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí bán hàng	48.302.180.543	17.547.557.771
Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí bán hàng	46.438.563.998	13.640.444.577
Chi phí quảng cáo, khuyến mại	33.520.059.545	951.593.494
Chi phí nhân viên	12.918.504.453	12.688.851.083
Các khoản chi phí bán hàng khác	1.863.616.545	3.907.113.194

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)***21. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP (TIẾP THEO)**

Chi phí quản lý doanh nghiệp	15.610.074.055	13.611.878.520
Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí quản lý doanh nghiệp	13.861.716.970	11.612.117.792
<i>Chi phí nhân viên quản lý</i>	<i>9.980.755.898</i>	<i>7.480.585.877</i>
<i>Chi phí dịch vụ mua ngoài</i>	<i>3.880.961.072</i>	<i>4.131.531.915</i>
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.748.357.085	1.999.760.728

22. LỢI NHUẬN KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	30.000.000	-
Các khoản khác	5.513.665	12.456
Thu nhập khác	35.513.665	12.456
Chi phí phạt vi phạm hợp đồng	-	53.000.000
Tiền phạt vi phạm hành chính lĩnh vực quảng cáo	45.000.000	-
Phạt chậm nộp bảo hiểm và các khoản khác	6.217.019	4.165.359
Chi phí khác	51.217.019	57.165.359
Lợi nhuận khác	(15.703.354)	(57.152.903)

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.856.334.298	974.561.979
Chi phí nhân công	22.339.677.151	20.169.436.960
Chi phí khấu hao tài sản cố định	564.361.384	567.548.761
Chi phí dịch vụ mua ngoài	36.117.363.465	7.846.394.205
Chi phí khác	2.034.518.300	6.669.619.207
Cộng	63.912.254.598	36.227.561.112

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)***24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán (1)	20.685.949.053	13.684.711.530
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng (2)</i>	<i>45.056.864</i>	<i>1.948.101.105</i>
Chi phí không được trừ khi tính thuế	45.000.000	1.948.101.105
Các khoản tiền phạt chậm nộp thuế và bảo hiểm	56.864	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm (3)</i>	<i>33.000.000.000</i>	<i>14.457.694.600</i>
Các khoản khác (*)	33.000.000.000	14.457.694.600
Lỗ năm trước chuyển sang (4)	(-)	(-)
Tổng lợi nhuận tính thuế (5)=(1)+(2)-(3)+(4)	(12.268.994.083)	1.175.118.035
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (6)	22%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập tính thuế năm hiện hành (7)=(5)*(6)	-	258.525.968
Điều chỉnh giảm (8)	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (9)=(7)+(8)	-	258.525.968

(*) Chuyển lợi nhuận chưa phân phối năm 2014 của Công ty TNHH Nam Dược theo Quyết định số 72/2015/QĐND ngày 01/07/2015 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nam Dược.

25. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp (1)	20.685.949.053	13.426.185.562
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Các khoản điều chỉnh tăng (2a)	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm (2b)	-	1.134.888.750
<i>Trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận (*)</i>	<i>-</i>	<i>1.134.888.750</i>
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (3=1+2a-2b)	20.685.949.053	12.291.296.812
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (4)	5.680.000	5.680.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (5=3/4)	3.642	2.164

(*) Trích theo Nghị quyết số 01/2015/NQĐHĐCĐ ngày 25/04/2015 của Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Nam Dược.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)***26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Các loại công cụ tài chính

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn được trình bày tại thuyết minh số 4.16.

	Giá trị ghi sổ Số cuối năm VND	Giá trị ghi sổ Số đầu năm VND
Tài sản tài chính		
Tiền	1.216.778.641	2.348.024.877
Phải thu của khách hàng	14.260.257.301	17.892.075.917
Phải thu khác	11.649.978	11.649.978
Cộng	15.488.685.920	20.251.750.772
Nợ tài chính		
Phải trả người bán	22.525.350.190	42.457.270.760
Chi phí phải trả	274.632.112	127.494.358
Phải trả khác	1.255.702.053	1.120.636.130
Cộng	24.055.684.355	43.705.401.248

Công ty trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo quy định của Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn cụ thể cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính theo giá trị hợp lý. Công ty đã trình bày giá trị hợp lý của công cụ tài chính theo hướng dẫn về thuyết minh báo cáo tài chính của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính tại một số thuyết minh ở phần trên.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Các hoạt động của Công ty phải chịu rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đặt mục tiêu và các nguyên tắc cơ bản về quản lý rủi ro tài chính cho Công ty. Ban Tổng Giám đốc lập các chính sách chi tiết như nhận diện và đo lường rủi ro, hạn mức rủi ro và các chiến lược phòng ngừa rủi ro. Việc quản lý rủi ro tài chính được nhân sự thuộc bộ phận tài chính thực hiện.

Các nhân sự thuộc bộ phận tài chính đo lường mức độ rủi ro thực tế so với hạn mức được đề ra và lập báo cáo thường xuyên để Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc xem xét. Thông tin trình bày sau đây là dựa trên thông tin mà Ban Tổng Giám đốc nhận được.

- Rủi ro tín dụng**

Chính sách của Công ty là chỉ giao dịch với các khách hàng có quá trình tín dụng tốt và thu được đủ tài sản đảm bảo phù hợp nhằm giảm rủi ro tín dụng. Đối với các tài sản tài chính khác, chính sách của Công ty là giao dịch với các tổ chức tài chính và các đối tác khác có xếp hạng tín nhiệm cao.

Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi ngân hàng và phải thu của khách hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)***26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

- Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ tài chính được thanh toán bằng cách giao tiền mặt hoặc một tài sản tài chính khác.

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

	Đến 1 năm VND	Trên 1 năm VND
Số cuối năm		
Phải trả người bán	22.525.350.190	-
Chi phí phải trả	274.632.112	-
Phải trả khác	1.255.702.053	-
Cộng	24.055.684.355	-
Số đầu năm		
Phải trả người bán	42.457.270.760	-
Chi phí phải trả	127.494.358	-
Phải trả khác	1.120.636.130	-
Cộng	43.705.401.248	-

- Đo lường theo giá trị hợp lý**

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng (nếu có) đối với phải thu khách hàng, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

27. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Năm nay VND	Năm trước VND
Hội đồng quản trị		
Thù lao Hội đồng quản trị	872.991.345	1.106.319.500
Ban Tổng Giám đốc		
Lương, thưởng và các khoản khác	1.990.264.184	1.536.992.800
Cộng	2.863.255.529	2.643.312.300

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 28 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

28. SỐ LIỆU SO SÁNH

Như đã trình bày tại thuyết minh số 3, kể từ ngày 01/01/2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh theo quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp mới này.

Số liệu so sánh là số liệu được lấy từ báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty Công ty Cổ phần Nam Dược đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Việt Anh (nay là Công ty TNHH Kiểm toán An Việt) và được trình bày lại cho phù hợp với số liệu của năm hiện hành.

Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới, thay đổi trong chính sách kế toán và điều chỉnh các sai sót đến số liệu so sánh trong báo cáo tài chính như sau:

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
Bảng cân đối kế toán					
Phải thu ngắn hạn khác	136	1.649.978	66.916.634	68.566.612	(i)
Tài sản ngắn hạn khác	155	66.916.634	(66.916.634)	-	(i)
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh					
Giá vốn hàng bán	11	133.536.000.984	5.068.124.821	138.604.125.805	(ii)
Chi phí bán hàng	25	22.615.682.592	(5.068.124.821)	17.547.557.771	(ii)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	2.364	(200)	2.164	(iii)

(i) Chỉ tiêu phải thu ngắn hạn khác tăng do phân loại khoản tạm ứng và ký cược, ký quỹ ngắn hạn từ chỉ tiêu tài sản ngắn hạn khác sang.

(ii) Đây là giá trị hàng hóa Công ty mua về dùng để khuyến mại cho khách hàng được phân loại từ chi phí bán hàng sang giá vốn hàng bán.

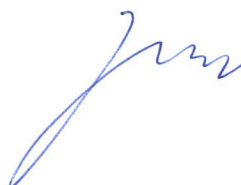
(iii) Điều chỉnh giảm do giảm trừ số trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2014 theo Nghị quyết số 01/2015/NQĐHĐCĐ ngày 25/04/2015 của Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Nam Dược.

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Cảnh

Trần Thị Anh Đức

Hoàng Minh Châu